

CÁC GIẢI PHÁP KÍCH CẦU NHÌN TỪ KINH TẾ HỌC KEYNES

PGS.TS Trần Thọ Đạt
Đại học Kinh tế Quốc dân

Tư tưởng kinh tế học Keynes về “kích cầu” được coi là nền tảng cho các giải pháp cứu cánh của chính phủ các nước để đưa nền kinh tế vượt qua khủng hoảng. Tuy nhiên, lý thuyết cũng như thực tế cho thấy những hệ lụy từ các biện pháp kích cầu là khó tránh khỏi. Bài viết này tổng quan lại những lập luận chính của Keynes về vai trò của Chính phủ trong việc tác động đến tổng cầu, phân tích khái quát tổng cầu “Keynes” của nền kinh tế Việt Nam, từ đó đề xuất một số khuyến nghị về các công cụ chính sách trong việc kích thích các thành tố của tổng cầu và những điều chỉnh cần thiết trong quá trình triển khai gói kích cầu ở nước ta.

1. Kinh tế học Keynes và các giải pháp kích thích kinh tế

Kinh tế học Keynes là học thuyết kinh tế vĩ mô được thể hiện rõ nét nhất trong tác phẩm “Lý thuyết tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ” (Lý thuyết tổng quát) xuất bản năm 1936. Học thuyết này được thừa nhận là bước ngoặt trong tư duy kinh tế, và trên thực tế đã tạo ra một cuộc cách mạng trong tư duy chính thống về vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường thời đó. Đặc trưng nổi bật của kinh tế học Keynes là đưa ra cách tiếp cận phân tích vĩ mô, tức là nghiên cứu quy luật hướng biến động và mối quan hệ của các biến số tổng lượng, biến số vĩ mô trong nền kinh tế. Keynes đưa ra khái niệm cầu “hữu hiệu” và cho rằng chính biến số này là nhân tố quyết định mức sản lượng, do vậy quyết định mức việc làm. Trái ngược với các nhà kinh tế cổ điển, Keynes lập luận rằng giảm tiền lương không góp phần tạo nên gia tăng việc làm, trái lại giảm tiền lương lại là nguyên nhân của giảm tổng cầu (hữu hiệu), vì thế làm giảm sản lượng và tăng thất nghiệp. Một sự khác biệt cơ bản của Keynes với các nhà kinh tế tiền nhiệm là ông cho rằng: (i)

tỷ lệ tiêu dùng trong tổng chi tiêu (tổng cầu) là tương đối cố định, (ii) sản lượng hay mức việc làm trong nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào thành phần khác trong tổng cầu (đầu tư). Theo ông, mức đầu tư được quyết định bởi mức lợi nhuận dự tính trong tương lai, và điều này phụ thuộc rất nhiều vào lòng tin đối với nền kinh tế của các chủ doanh nghiệp, còn mức lãi suất chỉ đóng một vai trò thứ yếu, đặc biệt là trong thời kì khủng hoảng. Keynes chứng minh rằng gia tăng chi tiêu chính phủ sẽ làm cho thu nhập tăng lên thông qua cơ chế số nhân và ông rất chú trọng đến vai trò của Chính phủ trong việc quản lý tổng cầu. Năm 1937, chỉ một năm sau “Lý thuyết tổng quát” của Keynes được công bố, Hick đã phát triển một mô hình mà ngày nay có mặt trong hầu khắp các sách giáo khoa về kinh tế là mô hình phân tích IS-LM với mục đích đánh giá các tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến đầu tư, tiết kiệm, sản lượng, mức giá chung và việc làm trong nền kinh tế thông qua sự thay đổi của “điểm cân bằng Keynes”. Trong thời kỳ 1939-1948, Harrod đã phát triển mô hình mô tả tăng trưởng kinh tế dựa trên lý luận của Keynes về xác

định thu nhập, mô hình này đã góp phần lý giải một cách rõ ràng hơn về việc khó có thể đạt được một điểm cân bằng toàn dụng nhân công.

Tư tưởng kinh tế học Keynes về “kích cầu” được coi là nền tảng cho các giải pháp cứu cánh của chính phủ các nước để đưa nền kinh tế vượt qua khủng hoảng. Ông là một trong một trăm người được tạp chí “Time” bầu chọn là những người làm nên thế kỉ 20. Cách đây hơn 3 thập kỉ, Tổng thống Mỹ Richard Nixon cũng đã từng tuyên bố: “Tất cả chúng ta giờ đây đều là Keynesian”. Trong những năm 60 và 70 của thế kỉ trước, kích cầu thông qua việc tăng chi tiêu chính phủ được triển khai ở nhiều nền kinh tế như Mỹ, châu Âu, Mỹ La tinh và kết quả là các nền kinh tế này đã thoát khỏi suy thoái. Để đối phó với cuộc khủng hoảng hiện nay, cuộc suy thoái được coi là lớn nhất kể từ Đại suy thoái, Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) đang tìm cách thuyết phục các nước thực thi các gói kích cầu đối với nền kinh tế thông qua tăng chi tiêu chính phủ khoảng 2% GDP. Tuy nhiên, lý thuyết cũng như thực tế cũng cho thấy những hệ lụy từ các biện pháp kích cầu là khó tránh khỏi. Nhiều nhà kinh tế lo ngại rằng

gia tăng chi tiêu chính phủ sẽ tiềm ẩn gia tăng "thất bại" của Chính phủ và làm cho tình hình có thể tồi tệ thêm, thậm chí còn đưa ra cảnh báo về khả năng của một số giải pháp kích cầu ở một số nước là làm theo Keynes một cách "cứng nhắc và mù quáng". Trước tiên, nếu kích cầu với quy mô lớn thì dẫn tới thâm hụt ngân sách, do đó để lại hậu quả là nợ chính phủ cho thế hệ sau. Tiếp đến, kích cầu sẽ dẫn đến lãi suất tăng, và chi tiêu công tăng sẽ "lấn át" đầu tư tư nhân là khu vực có hiệu quả sử dụng vốn cao. Các gói kích thích ở một số nước Châu Mỹ La tinh được thực hiện quá lớn và kéo dài, hệ quả là nền kinh tế phát triển quá nóng, lạm phát phi mã...

2. Khuyến nghị các giải pháp kích cầu Keynes đối với nước ta

2.1 Tổng quan về "tổng cầu Keynes" ở nước ta:

Xuất phát từ đồng nhất thức phân bổ GDP theo các luồng chi tiêu (tổng cầu Keynes): $GDP = C + I + G + NX$, trong đó: (i) Tiêu dùng của các hộ gia đình C, (ii) Đầu tư I, (iii) Chi tiêu chính phủ G, và (iv) Xuất khẩu ròng (xuất khẩu - nhập khẩu) NX. Số liệu về các biến số vĩ mô này ở nước ta năm 2007 như sau:

- Về tiêu dùng C: tỷ lệ tiêu dùng ở nước ta thuộc nhóm cao nhất trong khu vực, chiếm 64,9% GDP, tương tự như Indonesia, Philippine và Campuchia, nhưng cao hơn nhiều so với Trung Quốc (37,1%) và Thái Lan (53,5%).

- Chi tiêu chính phủ của Việt Nam G lại quá thấp (chưa bằng một nửa của Trung Quốc (14,4%) và Thái Lan (12,6%)), và lại giảm dần trong một số năm qua (giảm từ 12,3% trong năm 1990 xuống 6,1% năm 2007).

- Ngược lại với tỷ lệ thấp của G/GDP ở nước ta thì trong số 44,7% GDP của đầu tư trong nước I, thì Nhà nước lại chiếm tới 22%, kinh tế tư nhân ở nước

ta chỉ đầu tư 10,4% GDP (so với 35% của Trung Quốc và 17% của Thái Lan). Như vậy rõ ràng là Chính phủ Việt Nam là nhà đầu tư lớn nhất trong nền kinh tế. Nếu chúng ta quan sát thêm tổng thu ngân sách của nước ta tăng liên tục từ 21,9% năm 1990 lên 28,1% năm 2007 thì sự giảm sút về tỷ trọng của G chứng tỏ đầu tư của Chính phủ đã ngày càng gia tăng, kết quả là lấn át đầu tư tư nhân.

- Trong thời gian qua, sự phát triển của kinh tế Việt Nam theo định hướng xuất khẩu đã có bước phát triển ấn tượng, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2007 là 167% GDP, cao hơn so với Trung Quốc (72%) và Thái Lan (139%), và thấp hơn Malaysia (200%). Trong số các nước có kim ngạch xuất nhập khẩu lớn hơn 70% GDP thì chỉ có Việt Nam và Campuchia là hai nước là có thâm hụt cán cân thương mại. Sử dụng đồng nhất thức: $S - I = NX$ sẽ giải thích được nguồn gốc thâm hụt thương mại của nước ta. Tổng tiết kiệm quốc dân năm 2007 là gần 28% GDP, trong khi đầu tư I chiếm 44,1% GDP, chênh lệch khoảng 16% chính là thâm hụt thương mại, điều đó có nghĩa là chúng ta đã phải nhập khẩu vốn (đầu tư nước ngoài) để tài trợ cho khoản thâm hụt thương mại này.

2.2 Khuyến nghị về giải pháp kích cầu đối với nước ta:

Việt Nam vẫn đang là một nền kinh tế quy mô nhỏ, đã là thành viên chính thức của WTO, và với tỷ trọng kim ngạch xuất, nhập khẩu cao nên có thể coi là nền kinh tế khá mở. Nước ta phải đối phó với cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới lần này trong bối cảnh lạm phát của nước ta từ cuối năm 2007 ở mức cao nhất trong khu vực, các tác động trẻ của chính sách thắt chặt tiền tệ và tài khóa được thực hiện trong năm 2008 có thể còn đang phát huy tác dụng, chúng ta mới kiểm chế được

lạm phát và nguy cơ tái lạm phát là rất cao. Khác với Trung Quốc đang có thặng dư ngân sách, việc thực hiện gói kích cầu đầu tư được thực hiện trong bối cảnh thâm hụt ngân sách của ta hiện đã lên tới 4,5% GDP. Cũng không giống như Trung Quốc, một nền kinh tế lớn với thặng dư thương mại năm 2008 là 11% GDP (trong khi Việt Nam thâm hụt thương mại chiếm 16% GDP), mức dự trữ ngoại hối trên đầu người của Trung Quốc là 1.500 USD, trong khi của Việt Nam chỉ là 250 USD. Như vậy khả năng ngân sách, dự trữ ngoại tệ và thâm hụt thương mại là những yếu tố cần được tính đến khi đề xuất quy mô, công cụ và thời điểm thực hiện, cũng như phương thức tạo vốn tài trợ trong việc đề xuất và thực hiện tổng thể gói kích cầu để tránh gia tăng nhiều thâm hụt "kép" về ngân sách và thương mại. Bối cảnh này cho thấy không gian của việc thực hiện các biện pháp kích thích kinh tế của nước ta là "hẹp" hơn Trung Quốc rất nhiều. Sau đây là một số khuyến nghị về các công cụ chính sách trong việc kích thích các thành tố của tổng cầu và những điều chỉnh cần thiết trong quá trình triển khai gói kích cầu ở nước ta:

Tiêu dùng C: Keynes cho rằng bộ phận quan trọng nhất và ổn định nhất trong tổng cầu chính là tiêu dùng. Tốc độ tăng trưởng tiêu dùng của nước ta năm 2007 là 9,8%, chỉ nhỉnh hơn tốc độ tăng trưởng của sản lượng (8,5%). Tuy nhiên, khi suy thoái kinh tế khiến người dân bị mất việc hay thu nhập bị sụt giảm thì xu hướng cắt giảm tiêu dùng là tất yếu. Rõ ràng là những nhóm thu nhập khác nhau sẽ có "xu hướng tiêu dùng cận biên" không giống nhau. Những nhóm người bị tổn thương nhiều từ suy thoái sẽ phải cắt giảm chi tiêu nhiều nhất. "Nhiều chuyên gia kinh tế dự đoán rằng suy thoái kinh tế sẽ "tái nghèo" hàng triệu người, những người vừa thoát khỏi đói

nghèo nhờ vào quá trình phát triển gần đây và đô thị hóa nhanh chóng. Sẽ có 12 triệu người Việt Nam sống dưới 40 nghìn đồng/ngày¹. Hàng chục nghìn người đã mất việc làm tính đến cuối năm 2008, rất nhiều người bị nợ lương, không có tiền thưởng, một bộ phận rất lớn người trong các khu công nghiệp đến từ nông thôn nay sẽ không còn việc nữa. Nếu giải pháp kích cầu hướng vào các đối tượng phải “chạy ăn từng bữa”, đối tượng có xu hướng tiêu dùng cận biên cao nhất thì họ sẽ nhanh chóng trở lại mức tiêu dùng cũ khi thu nhập được phục hồi. Nghiên cứu của Zandi (2) đối với gói kích cầu năm 2001 của Mỹ chỉ ra rằng miễn giảm thu ngân sách đối với các địa phương, hoàn thuế và tăng tín dụng đối với gia đình có trẻ em là những công cụ chính sách có hiệu lực cao trong việc kích thích tiêu dùng. Ở nước ta, cũng đã có khá nhiều ý kiến đề xuất gần đây về việc kích cầu cận hướng về nông thôn, một thị trường của hơn 75% dân số và mức tiêu dùng thấp còn đang rất nhiều tiềm năng. Các ngân hàng, doanh nghiệp cần có các phương thức và chương trình tín dụng tiêu dùng như cho nông dân mua hàng trả góp, trả chậm, thanh toán trả chậm cho các đại lý tiêu thụ hàng hóa, phát triển thêm hệ thống phân phối hàng hóa... Trong thời kỳ suy thoái, sự suy giảm của các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ không những chặn dòng di cư lao động từ nông thôn ra thành thị và các khu công nghiệp, mà còn tạo ra số lao động ở các ngành này bị mất việc sẽ ngày càng tăng lên, tạo áp lực lao động chảy ngược về nông thôn. Nhà nước cần có chính sách chia sẻ khó khăn này với các doanh nghiệp bị buộc phải giãn thải nhân công, lập các quỹ đào tạo lại và nâng cao tay nghề để đón đầu khi nền kinh tế phục hồi trở lại.

Đầu tư I: Thành tố này của tổng cầu, theo Keynes, là

nhảy cảm nhất. Tuy nhiên, ông nhấn mạnh rằng cầu đầu tư không hẳn chỉ phụ thuộc vào lãi suất, mà về cơ bản là phụ thuộc vào tỷ lệ sinh lời cận biên của đầu tư. Trong thời kỳ suy thoái, lãi suất thấp cũng không nhất thiết trở thành một động lực quan trọng để kích thích đầu tư, và do vậy biện pháp “hỗ trợ lãi suất” cũng cần được tính toán và sử dụng với một chừng mực nhất định trong việc kích thích đầu tư. Tính nhạy cảm của đầu tư nói lên rằng khi nền kinh tế có “tín hiệu” phục hồi thì “bản năng động vật” (animal spirit)— thuật ngữ Keynes đã sử dụng, sẽ hình thành và tạo làn sóng đầu tư tư nhân, kích thích sự gia tăng sản lượng. Như đã phân tích ở trên, trong cơ cấu tổng đầu tư của nước ta, Nhà nước hiện nay là nhà đầu tư lớn nhất trong tổng đầu tư toàn xã hội. Nếu điều chỉnh đầu tư công theo hướng giảm đầu tư của Chính phủ thì vừa tăng được hiệu quả của đầu tư (do ICOR của đầu tư nhà nước rất cao, số liệu ICOR của các tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước là 6-7, trong khi của cả nền kinh tế là 4,5), vừa tạo điều kiện để gia tăng chi tiêu của chính phủ về y tế, giáo dục, trợ cấp xã hội...

Chi tiêu Chính phủ G: Theo nghiên cứu của Zandi, chính sách kích cầu có hiệu ứng cao nhất là trợ cấp thất nghiệp (1,73 lần) trong việc tạo ra sự gia tăng về thu nhập (sản lượng). Điều này hoàn toàn phù hợp với công thức “số nhân chi tiêu” của Keynes. Việc gia tăng vai trò và chi tiêu chính phủ đối với các dịch vụ công (y tế, giáo dục...) sẽ giảm bớt gánh nặng đóng góp vào quá trình xã hội hóa, người dân— đặc biệt là người có thu nhập thấp, cư dân nông thôn sẽ có nhiều tiền hơn cho tiêu dùng, đồng thời tiết kiệm và đầu tư tư nhân có cơ hội tăng. Khuyến nghị của nhiều nước hiện nay là Chính phủ các nước, đặc biệt là ở các nền kinh tế mới nổi phải có tầm

nhìn “vượt lên trên cuộc khủng hoảng” trong việc đầu tư vào giáo dục, y tế. Tác động của cuộc khủng hoảng hiện nay cũng đã lộ rõ điểm yếu của nguồn lao động Việt Nam là trình độ chuyên môn thấp, nền kinh tế không có lợi thế cạnh tranh về nhân lực giá rẻ nữa mà cần dựa trên cạnh tranh bằng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn và tay nghề cao, và Chính phủ cần gia tăng đầu tư vào các “kĩ năng cho tăng trưởng”.

Xuất, nhập khẩu: Theo lý thuyết kinh tế vĩ mô, các “hàng” xuất khẩu và nhập khẩu đều phụ thuộc vào tỷ giá hối đoái. Một trong những nguyên nhân của tình trạng thâm hụt thương mại nặng trong những năm qua là đồng Việt Nam (VND) đã trở nên quá mạnh so với đồng tiền của các đối tác thương mại chủ yếu. Tỷ giá hiệu dụng thực của VND giảm trong giai đoạn 2000-2003, nhưng sau đó gần như tăng liên tục, đặc biệt là trong giai đoạn lạm phát tăng nhanh (tính toán của nhóm Harvard), làm cho nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu, tình trạng VND được định giá quá cao rõ ràng sẽ không thể kéo dài được. Nếu tỷ giá không được điều chỉnh, trong khi chi tiêu của Chính phủ gia tăng thì biện pháp kích cầu này sẽ làm gia tăng thâm hụt thương mại, nhiều doanh nghiệp sẽ phải cạnh tranh mạnh hơn với hàng nhập khẩu. Do vậy, Chính phủ cần từng bước giảm giá VND đúng mức để bám sát xu hướng không làm gia tăng tỷ giá hiệu dụng thực.

Trong quá trình thực thi các chính sách kích cầu, cần đảm bảo nguyên tắc là các chính sách kích cầu tác động tới các yếu tố cấu thành tổng cầu trên đây làm “dịch chuyển sang phải” đường tổng cầu cần được thực hiện phối hợp đồng bộ với mặt cung của nền kinh tế: nếu không kích cung (dịch đường tổng cung sang phải) thì ít nhất cũng không thực thi

các chính sách tác động tiêu cực đến tổng cung. Việc đang triển khai thực hiện kích cầu mà lại tăng giá điện, giá xăng... không những triệt tiêu hiệu lực gia tăng sản lượng của kích cầu mà còn là nguyên nhân của nguy cơ tái lạm phát. Tài trợ kích cầu thông qua tăng thuế (chẳng hạn hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp và tăng thuế nhập khẩu xăng dầu) để giảm căng thẳng ngân sách là hai lần "bóp méo" nền kinh tế và gây thêm thiệt hại thực (dead-weight loss) cho xã hội.

Khủng hoảng kinh tế là do sự mất cân đối trong cơ cấu của nền kinh tế. Khủng hoảng có tác dụng hai mặt: một mặt làm lộ rõ tất cả những yếu kém và bất hợp lý của cơ cấu kinh tế hiện tại, nhưng mặt khác lại tạo tiền đề để tái cấu trúc lại nền kinh tế phù hợp hơn. Khủng hoảng, theo Keynes, nếu để nền kinh tế tự điều tiết, thì sẽ đi quá mức cần thiết bởi quán tính của nó và gây ra những hậu quả nghiêm trọng và kéo dài. Vai trò của Chính phủ trong quá trình điều chỉnh

này là làm cho nền kinh tế tránh sự sụp đổ quá mức cũng như quá trình phục hồi được diễn ra nhanh hơn. Về bản chất, kích thích kinh tế là Chính phủ sử dụng các chính sách tài khóa và tiền tệ như là những công cụ phân bổ lại các nguồn lực của nền kinh tế có chủ đích. Khôi phục kinh tế chính là khôi phục niềm tin của người dân vào hệ thống tài chính và kinh tế của đất nước. Tốc độ hồi phục kinh tế có thể sẽ không chỉ phụ thuộc vào những của con số như quy mô của gói kích cầu, mà còn phụ thuộc vào tâm lý của người tiêu dùng và nhà đầu tư. Khi niềm tin được tạo lập, doanh nghiệp sẽ mạnh dạn đầu tư, người dân không còn giữ chặt tiền mặt, những đại lượng "khả biến độc lập" là đòn bẩy trong nền kinh tế như "khuyh hướng tiêu dùng" tăng lên, "khuyh hướng tiết kiệm" giảm xuống trong xã hội thì khi đó nền kinh tế sẽ phục hồi, các đại lượng "khả biến phụ thuộc" như sản lượng sẽ tăng lên và thất nghiệp sẽ giảm ■.

1. Thời báo Kinh tế Việt Nam, số 64, Thứ Hai, 16/3/2009

Tài liệu tham khảo:

1. David W. Pearce (tổng biên tập) "Từ điển kinh tế học hiện đại", Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà nội 1999
2. GS. TSKH Lương Xuân Quý, ThS Nguyễn Anh Tuấn, "Bàn về các giải pháp kích cầu của Chính phủ nhằm ngăn chặn suy giảm và thúc đẩy phục hồi kinh tế", Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 141 (tháng 3/2009), Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
3. Thời báo Kinh tế Sài gòn số ngày 8 tháng 2 năm 2009
4. Thời báo Kinh tế Việt Nam, số 64, ngày 16/3/2009, số 70 ngày 23/3/2009
5. Trung tâm nghiên cứu kinh tế và chính sách (CEPR), Báo cáo chính sách tháng 1 năm 2009
6. The New Palgrave, A Dictionary of Economics, edited by John Eatwell, Murray Milgate, Peter Newman
7. www.atpvietnam.com
8. www.vietstock.com.vn
9. www.vnn.vn ngày 17/2/2009 "Kích cầu ở Việt Nam: Những khuyến nghị từ nhóm Harvard.

(Tiếp theo trang 33)

NHẬN DẠNG CUỘC KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH TOÀN CẦU HIỆN NAY...

cầu, để chống lại suy giảm kinh tế do hậu quả lạm phát 2008 và tác động xấu của khủng hoảng tài chính toàn cầu. Đây là một quyết định rất đúng đắn, cần thiết, kịp thời. Tuy vậy, chúng tôi vẫn cho rằng Chính phủ cần có một **gói cứu trợ nền kinh tế** lớn hơn bên cạnh gói kích cầu (gói kích cầu nên gọi là gói kích thích). Để chống suy giảm kinh tế gói cứu trợ nền kinh tế có vai trò quyết định. Đến nay Chính phủ đang xác định địa chỉ để chi số tiền này. Một tỷ đô la là số tiền rất nhỏ so với yêu cầu chống suy giảm của nền kinh tế, và để đưa nền kinh tế trở lại thời kỳ tăng trưởng 7,5%- 8,5%. Song một

tỷ này nếu được chi đúng chỗ nó cũng tạo được sức mạnh tương đối lớn cho nền kinh tế. Theo chúng tôi, địa chỉ ưu tiên để chi một tỷ USD nên là khuyến khích xuất khẩu, hỗ trợ và cứu vãn doanh nghiệp vừa và nhỏ và hỗ trợ việc làm. Trong đó khuyến khích xuất khẩu cần ưu tiên số một. Để khuyến khích mạnh mẽ xuất khẩu biện pháp tốt nhất là nâng tỷ giá hối đoái của Việt Nam Đông với các đồng USD, EURO, Yên Nhật, Bảng Anh... theo thị trường. Tỷ giá được nâng lên không những khuyến khích mạnh mẽ xuất khẩu mà còn là biện pháp quan trọng để hạn chế nhập khẩu, bảo hộ sản xuất trong nước trong đó

có việc hạn chế hàng Trung Quốc sẽ ồ ạt vào Việt Nam ở các năm 2009, 2010 do Trung Quốc gặp khó khăn trong xuất khẩu vì khủng hoảng tài chính thế giới ■.

Tài liệu tham khảo:

1. PGS.TS. Trần Nguyễn Tuyên. Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đánh dấu sự phá sản của học thuyết kinh tế thị trường tự do kiểu Mỹ- Báo Nhân dân ngày 19/12/2008
2. TS. Lê Xuân Nghĩa- Khủng hoảng tài chính thế giới và những vấn đề của kinh tế Việt Nam. Báo Nhân dân ngày 06/01/2009
3. GS.TS. Nguyễn Văn Thương- Những thách thức của quản lý vĩ mô năm 2009 ở Việt Nam. Tạp chí Kinh tế phát triển, số 139 tháng 01 năm 2009.